CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

M.S.D.N:0200171644-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CHIẾU SÁNG HẢI PHÒNG
Q.HỒNG BÀNG T.P HẢI PHÒNG

HELICO
ĐIỆN CHIẾU SÁNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CHIẾU SÁNG HẢI PHÒNG

NĂM 2021

Công Ty Cổ phần Điện Chiếu Sáng Hải Phòng

Digitally signed by Công Ty Cổ phần Điện Chiếu Sáng Hải Phòng
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0200171644, CN=Công Ty Cổ phần Điện Chiếu Sáng Hải Phòng, S=Hải Phòng, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022.04.28 15:02:11+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

Hải Phòng, tháng 4 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN **ĐIỆN CHIẾU SÁNG HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: ..386.../2022 /BCTN-HLE	*Hải Phòng ngày 27 tháng 4 năm 2022*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CHIẾU SÁNG HẢI PHÒNG
Năm 2021

I. Thông tin chung

1. *Thông tin khái quát*

- Tên gọi: Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng

- Tên giao dịch quốc tế: Hai Phong Electric Lighting Joint stock company

- Tên công ty viết tắt: HELICO

- Trụ sở chính tại: Số 1 Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Số điện thoại: 0225 3747 427

- Số fax: 0225 3747 617

- Website: www.helico.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có): HLE

- Vốn điều lệ đăng ký: 22.000.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ đồng chẵn)

- Vốn điều lệ thực góp: 22.000.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ đồng chẵn)

- Giấy phép ĐKKD số 0200171644 lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11 tháng 10 năm 2021 do Sở KHĐT Thành phố Hải Phòng cấp

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng được chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên Điện chiếu sáng Hải Phòng theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 24/06/2013 của UBND thành phố Hải Phòng về việc tiến hành cổ phần hóa; Quyết định 494/QĐ-UBND ngày 07/05/2017 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Điện chiếu sáng Hải Phòng thành công ty Cổ phần và được Sở Kế hoạch – Đầu tư Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200171644 lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11 tháng 10 năm 2021 với vốn điều lệ là 22 tỷ đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh: quản lý vận hành, duy tu, sửa chữa hệ thống chiếu sáng và tín hiệu giao thông; Xây lắp các công trình điện chiếu sáng, đường dây và trạm biến áp từ 35-110KV; kinh doanh thiết bị điện chuyên ngành chiếu sáng…

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hải Phòng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc phụ trách các khối chức năng.

Cơ cấu tổ chức của Công ty là xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các đơn vị, phòng ban chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của các đơn vị, phòng ban chức năng thông qua Trưởng các đơn vị phụ trách

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp năm 2020, luật chứng khoán, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua là cơ sở chi phối cho mọi hoạt động của Công ty.

- Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra Ban quản trị và kiểm soát việc kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc quyền của Đại hội đồng cổ đông quyết định. Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển đến thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ban điều hành: Do HĐQT bổ nhiệm gồm có Tổng giám đốc, các phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước HĐQT, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty.

Sơ đồ bộ máy Công ty

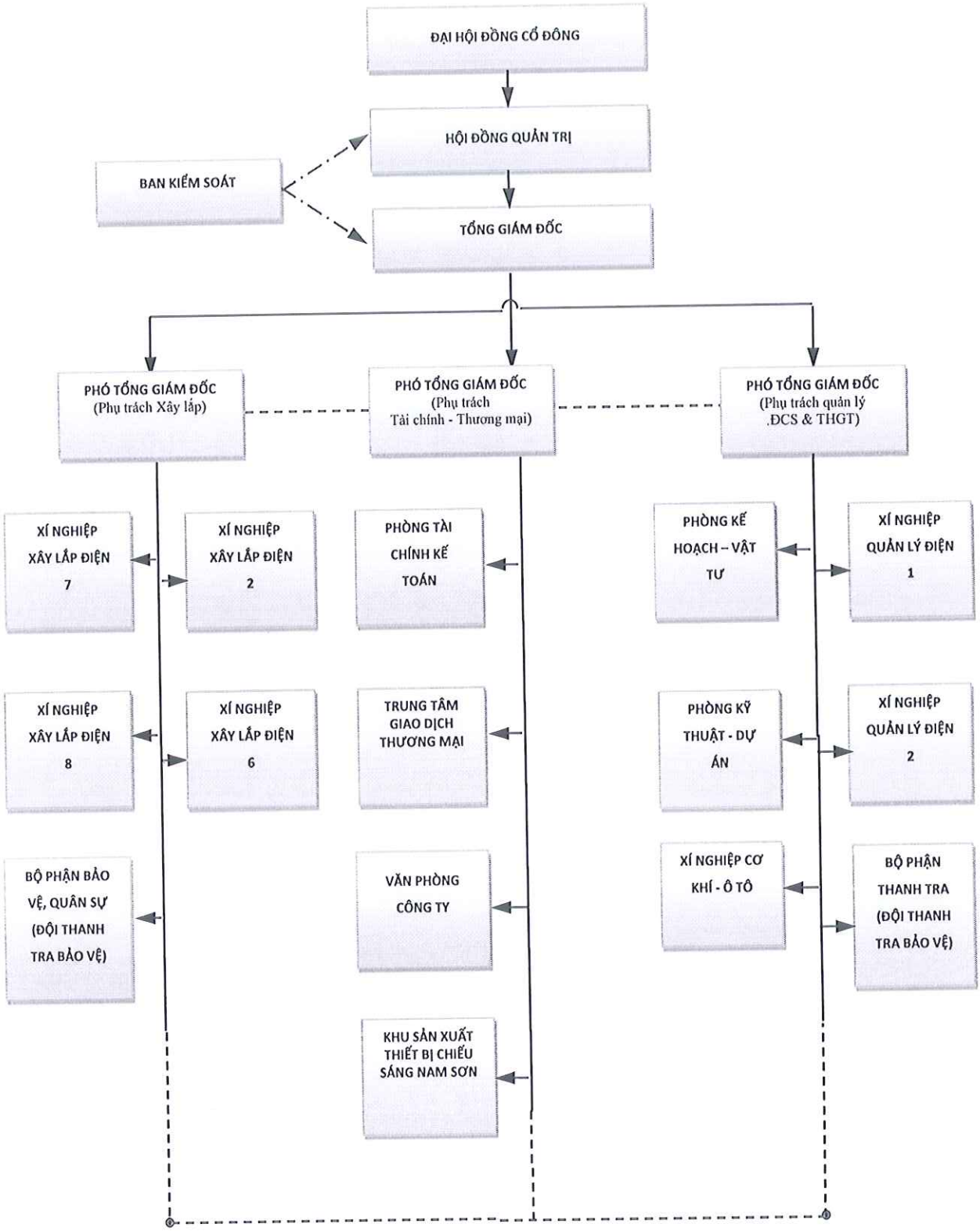

Ghi chú:

Phụ trách trực tiếp — Trao đổi thông tin

Lãnh đạo, chỉ đạo — Giám sát

4. Định hướng phát triển

- Mục đích chủ yếu của Công ty đến năm 2025:

Đảm bảo kinh doanh có lãi có thể chia cổ tức cho cổ đông từ 5-10%/năm. Năm sau cao hơn năm trước thể hiện xu thế phát triển ổn định và tăng trưởng của Công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Xây dựng kế hoạch tăng trưởng doanh thu , lợi nhuận hàng năm tăng so với năm trước trên cơ sở đẩy mạnh doanh thu ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 so với thực hiện năm 2020:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	TH năm 2020	TH năm 2021	So sánh (%)
1	Doanh thu và thu nhập khác	Tr. đồng	190.392	177.467	93,2 %
1.1	Doanh thu	Tr. đồng	189.133	176.819	93,5%
1.2	Thu nhập khác	Tr. đồng	1.259	648	51,5%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	3.400	3500	102,9 %
3	Cổ tức/vốn điều lệ	%	7,5	8	106,7 %

Tình hình thực hiện 2021 so sánh với kế hoạch 2021:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KH năm 2021	TH năm 2021	So sánh TH/KH (%)
1	Doanh thu và thu nhập khác	Tr. đồng	192	177.467	92,43 %
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng,	3500	3500	100 %
3	Cổ tức/vốn điều lệ	%	8	8	100 %

- Doanh thu và thu nhập khác năm 2021 giảm 6,8 % so với thực hiện năm 2020 và giảm 7,57 % so với kế hoạch 2021.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 tăng 2,94 % so với thực hiện năm 2020 và bằng 100 % so với kế hoạch 2020.

Năm 2021, một năm tiếp theo chịu ảnh hưởng nặng nề do đại dịch covid 19 sâu rộng tới tất cả các ngành nghề, lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống, sinh hoạt của nhân dân cũng như các doanh nghiệp, tác động đến mọi mặt của nền kinh tế, sự biến động của giá cả và các yếu tố vật liệu đầu vào chủ yếu của ngành điện như giá thép, đồng, xăng dầu, vật liệu xây dựng và nhân công; theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng bị ảnh hưởng tương đối, doanh thu và thu nhập khác cả năm đạt 177,467 tỷ đồng bằng 92,43 % so với doanh thu kế hoạch của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã thông qua là 192 tỷ đồng.

Nguyên nhân chủ yếu là do ngoài vốn kinh tế sự nghiệp của thành phố (doanh thu khoảng 64 tỷ tương ứng 36 % tổng doanh thu) Công ty đã ký kết và thi công được thêm một số hợp đồng công trình xây lắp điện, điện chiếu sáng, điện trang trí… từ nguồn vốn đầu tư khác, doanh thu khu vực này là 113,467 tỷ chiếm 64 % tổng doanh thu.

Thực hiện Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố, năm 2020 Công ty đã khảo sát, lắp đặt kịp thời theo đơn đề nghị của nhân dân trên địa bàn các quận của thành phố với tổng giá trị pha đèn là 1,388 tỷ đồng, chi phí nhân dân huy động đóng góp là 1,12 tỷ đồng, tổng doanh thu là 2,383 tỷ.

Khối các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây lắp điện và các công trình công ty chủ động khai thác thêm, doanh thu ttrong năm 2021 đạt 113,467 tỷ chiếm tỷ trọng 64 % tổng doanh thu; trong đó chủ yếu là các công trình đấu thầu ký hợp đồng với chủ đầu tư là Điện Lực Hưng Yên với các công trình xây lắp điện và mua sắm thiết bị vật tư, cải tạo, xây dựng đường dây và trạm biến áp các huyện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và các công trình tiêu biểu ký kết với các Chủ đầu tư là các Ban quản lý dự án của thành phố và các quận huyện, Sở xây dựng, điện lực Hải Phòng, Ban quản lý dự án phát triển Điện lực và 1 số công ty lớn như công ty Phương Anh, khu công nghiệp Đình Vũ và một số công trình xây lắp điện khác.

Doanh thu đạt được có sự sụt giảm hơn 7% nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban giám đốc, tiết kiệm các yếu tố quản lý, sản xuất đầu vào nên lợi nhuận công ty đạt được vẫn đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu Đại hội cổ đông 2021 đề ra, cụ thể Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 3,5 tỷ đồng đạt 100 % so với lợi nhuận kế hoạch.

Chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2021 là 3,5 tỷ đồng do trong năm công ty có xây dựng kế hoạch tăng cường công tác quản lý, tăng năng suất lao động, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong quản lý, từ đó tiết kiệm tối đa chi phí, giảm các chi phi đầu vào để tối đa hoá lợi nhuận; Do đó, mặc dù doanh thu thực hiện giảm so kế hoạch 7,57 % nhưng lợi nhuận thực hiện vẫn đạt 100% so với kế hoạch.

Tỷ lệ chia cổ tức năm 2021 là 8% trên vốn điều lệ đạt 100% kế hoạch đề ra, lớn hơn lãi suất huy động tiết kiệm của các ngân hàng thương mại và đảm bảo hài hoà giữa quyền lợi ích của cổ đông và người lao động.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Tổ chức và nhân sự:

- Tổ chức: Công ty hoạt động với mô hình Công ty cổ phần, 01 trụ sở chính tại Số 1 Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

- Nhân sự trong Công ty đã đi vào nề nếp, ổn định không có sự thay đổi nhân sự trong thời gian qua.

Hết năm 2021 tổng số người lao động trong Công ty là 141 người. Số lượng lao động hiện tại phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty và phù hợp với năng lực của từng vị trí làm việc trong Công ty. Công ty khuyến khích, động viên, tạo điều kiện cho người lao động đi học tập các lớp bồi dưỡng kiến thức về quản lý, chuyên môn nghiệp vụ để phục vụ công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Các chế độ chính sách lương, thưởng, BHXH, BHYT, BHTN… được thực hiện tốt, không phát sinh tranh chấp, khiếu kiện. Người lao động trong Công ty đóng góp tích cực đến hoạt động SXKD của Công ty và được khen thưởng động viên kịp thời.

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách tiền lương riêng, thực hiện trả lương cho người lao động theo quy chế trả lương của Công ty căn cứ vào mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc, đảm bảo cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo Quy định của nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của công ty.

Chính sách thưởng: Cuối năm và các dịp lễ tết, công ty đều tiến hành tổng kết đánh giá để thưởng cho những bộ phận, phòng ban, cá nhân có những thành tích xuất sắc, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, làm tốt công tác thực hành tiết kiệm trong sản xuất

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được công ty trích nộp theo đúng quy định hiện hành.

Chính sách đào tạo: Hàng năm, tuỳ theo yêu cầu công việc, công ty đều tiến hành cử cán bộ công nhân viên đi học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao trình độ và tay nghề.

- Hàng năm Công ty đã chủ độ thực hiện nhiều biện pháp để quản lý và tiết giảm các chi phí hành chính, tận dụng tối đa cơ sở vật chất hiện có để phục vụ hoạt động SXKD có hiệu quả.

2.2. Ban Tổng giám đốc - Kế toán trưởng:

1	Ông Bùi Duy Đông	Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Văn Tuyến	Phó tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Quang Huy	Phó tổng giám đốc - Kế toán trưởng
4	Bà Nguyễn Thị Hóa	Phó tổng giám đốc - TP Kế hoạch - vật tư

2.2.1. Ông Bùi Duy Đông – Tổng giám đốc

- Họ và tên: Bùi Duy Đông

- Giới tính: Nam

- Sinh ngày: 29/05/1971

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- CCCD: 03107102489 - Ngày cấp: 11/8/2021 - Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

- Quê quán: Tân Viên, An Lão, Hải Phòng

- Nơi ở hiện nay : Số 33 KDC Trần Phú 2 – P. Văn Đẩu – Q. Kiến An – TP Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học, Kỹ sư điện

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1997- 2001	Công ty xây lắp điện Hải Phòng	Cán bộ kỹ thuật
2002 – 2006	XN Xây lắp Điện 7, Công ty điện chiếu sáng đô thị	Cán bộ kỹ thuật
2007 - 6/2010	XN Xây lắp Điện 7, Công ty điện chiếu sáng đô thị	Giám đốc Xí nghiệp
7/2010 - 8/2015	XN Xây lắp Điện 7, Công ty TNHH MTV điện chiếu sáng Hải Phòng	Giám đốc Xí nghiệp
9/2015 - 12/2015	XN Xây lắp Điện 7, Công ty TNHH MTV điện chiếu sáng Hải Phòng	Giám đốc Xí nghiệp
1/2016 - 04/2017	Công ty cổ phần điện chiếu sáng Hải Phòng	Phó Tổng giám đốc
05/2017 đến nay	Công ty cổ phần điện chiếu sáng Hải Phòng	Tổng giám đốc

- Chức vụ tại Công ty: Tổng giám đốc công ty

- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người liên quan tại tổ chức đăng ký giao dịch:

+ Sở hữu cá nhân: 129.700 CP chiếm tỷ lệ 5,89%/ VĐL

+ Đại diện sở hữu: 264.000 CP (Đại diện cổ phần của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng) chiếm tỷ lệ 12 % /VĐL

+ Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty CP Điện chiếu sáng Hải Phòng tại thời điểm lập hồ sơ: Em vợ: Đỗ Xuân Trường – Giám đốc XN xây lắp điện 7; cổ phần sở hữu cá nhân: 5.600 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,025%/VĐL.

2.2.2. Ông Nguyễn Văn Tuyến - Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Văn Tuyến

- Giới tính: Nam

- Sinh ngày: 17/08/1965

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- CMND: 0340650006615 - Ngày cấp: 21/05/2019 - Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

- Quê quán: xã Độc Lập - Huyện Hưng Hà - Tỉnh Thái Bình

- Nơi ở hiện nay: Số 105 Trần Nhân Tông, Quận Kiến An, TP. Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1983 - 09/1986	Trường sỹ quan phòng không – nay là Học viện phòng không không quân	Học viên
09/1986 - 07/1992	Tiểu đoàn thông tin sân bay Kiến An, sư đoàn 371 quân chủng phòng không – không quân	Cán bộ
07/1992 – 11/1995	Công ty xây lắp điện Hải Phòng – Nay là Công ty Cổ phần xây lắp điện Hải Phòng	Cán bộ kế hoạch
11/1995 – 09/2002	Công ty Điện chiếu sáng đô thị	Cán bộ kế hoạch
09/2002 – 01/2006	Công ty Điện chiếu sáng đô thị	Phó TP Kế hoạch
02/2006 – 10/2019	Công ty Điện chiếu sáng đô thị - Nay là Công ty cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng	Trưởng phòng Kế hoạch
11/2019 đến nay	Công ty cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng	Phó tổng giám đốc

- Chức vụ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người liên quan tại tổ chức đăng ký giao dịch:

+ Sở hữu cá nhân: 31.400 CP chiếm tỷ lệ 1,42 %/ VĐL

+ Đại diện sở hữu: 0 Cổ phần.

+ Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty CP Điện chiếu sáng Hải Phòng tại thời điểm lập hồ sơ : Không có

2.2.3. Ông Nguyễn Quang Huy – Phó tổng giám đốc - Kế toán trưởng

- Họ và tên: Nguyễn Quang Huy
- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 19/11/1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND: 031028324 - Ngày cấp: 21/11/2011 - Nơi cấp: Công An Hải Phòng
- Quê quán: Vĩnh Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng
- Nơi ở hiện nay: Số 66/212 Đà Nẵng, Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị tài chính kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2002 – 3/2009	Chi cục thuế Kiến Thụy	Cán bộ tổ thanh tra
4/2009 – 7/2007	Chi cục thuế Hải An	Cán bộ tổ thanh tra
8/2007 – 6/2019	Chi cục thuế Hải An	Cán bộ đội quản lý nợ thuế
7/2009 - 10/2011	Chi cục thuế Hải An	Đội phó đội quản lý nợ thuế
11/2011–10/2015	Công ty TNHH MTV điện chiếu sáng Hải Phòng	Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ
11/2015 đến nay	Công ty cổ phần điện chiếu sáng Hải Phòng	Kế toán trưởng
12/2021 đến nay	Công ty cổ phần điện chiếu sáng Hải Phòng	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người liên quan tại tổ chức đăng ký giao dịch:

+ Sở hữu cá nhân: 22.200 CP chiếm tỷ lệ 1,01 %/ VĐL

+ Đại diện sở hữu: 264.000 CP (Đại diện cổ phần của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng) chiếm tỷ lệ 12 % /VĐL.

+ Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty CP Điện chiếu sáng Hải Phòng tại thời điểm lập hồ sơ: Không có

2.2.4. Bà Nguyễn Thị Hóa – Phó tổng giám đốc, Trưởng phòng Kế hoạch-vật tư.

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hóa
- Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 20/10/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND: 038179000190 - Ngày cấp: 21/04/2015 - Nơi cấp: Hải Phòng
- Quê quán: Xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá
- Nơi ở hiện nay: 111/193 Văn Cao, phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tự động công nghiệp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 10/2002 đến tháng 10/2017	Phòng Kỹ thuật – Công ty Điện chiếu sáng đô thị (nay là Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng)	Cán bộ kỹ thuật
Tháng 11/2017 – đến tháng 12/2019	Phòng Kế hoạch – Vật tư – Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng	Phó trưởng phòng
Tháng 01/2020 đến nay	Phòng Kế hoạch – Vật tư – Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng	Trưởng phòng
Tháng 12/2021 đến nay	Công ty cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng	Phó tổng giám đốc công ty

- Chức vụ tại Công ty: Phó tổng giám đốc, Trưởng phòng Kế hoạch-vật tư.
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người liên quan tại tổ chức đăng ký giao dịch:

+ Sở hữu cá nhân: 3.200 CP chiếm tỷ lệ 0,145 %/ VĐL

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

+ Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty CP Điện chiếu sáng Hải Phòng tại thời điểm lập hồ sơ: em gái Nguyễn Thị Hiền – CB kỹ thuật Xí nghiệp quản lý điện 2; cổ phần sở hữu cá nhân: 1.700 CP chiếm tỷ lệ 0,077 %/ VĐL; em rể Nguyễn Thế Ngọc – công nhân Xí nghiệp quản lý điện 1; cổ phần sở hữu cá nhân: 2.300 CP chiếm tỷ lệ 0,104 %/ VĐL.

3. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ % tăng giảm
** Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng*			
Tổng giá trị tài sản	133.163.675.270	106.776.212.615	-19,82%
Doanh thu thuần	189.123.452.119	176.809.968.275	-6,51%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.249.733.661	3.431.781.938	5,60%
Lợi nhuận khác	781.971.950	639.488.908	-18,22%
Lợi nhuận trước thuế	4.031.705.611	4.071.270.846	0,98%
Lợi nhuận sau thuế	3.400.436.423	3.500.153.666	2,93%

- Các chỉ tiêu khác: Không có

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạnTài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,175	1,242	
+ Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,788	0,965	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,809	0,761	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4,243	3,187	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4,05	5,02	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,420	1,656	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,018	0,0198	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,134	0,137	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0255	0,0328	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,0172	0,0194	

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2021, Chủ tịch HĐQT, Ban Giám đốc Công ty đã triển khai, điều hành các hoạt động SXKD, thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị cũng như các yêu cầu của các Chủ đầu tư và khách hàng trong bối cảnh kinh tế còn khó khăn. Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và trách nhiệm với tinh thần cao, thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban với các phòng ban chức năng, các đơn vị trong Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch hoạt động, chương trình công tác và các giải pháp về công tác SXKD của Công ty, đảm bảo tài sản của Công ty và nguồn vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển. Vì thế các chỉ tiêu tài chính năm 2021 đều gần đạt và hoàn thành kế hoạch đề ra, mặc dù doanh thu và thu nhập khác thực hiện giảm 7,57 % so với kế hoạch đề ra nhưng do tiết kiệm tối đa chi phí, lợi nhuận thực hiện vẫn đạt 3,5 tỷ bằng 100% so với kế hoạch. đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, thể hiện sự chỉ đạo có hiệu quả của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và việc thực hiện tốt các nhiệm vụ của các phòng ban chức năng và các đơn vị trong Công ty.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh

BẢNG PHÂN TÍCH TÀI SẢN

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)
A.	**- TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**126.642.820.186**	**100.983.305.670**	**-20,26**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	7.371.705.613	16.984.065.323	130,4
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	77.553.587.286	61.443.188.048	-20,77
4	Hàng tồn kho	41.694.271.650	22.519.103.682	-45,99
5	Tài sản ngắn hạn khác	23.255.637	36.948.617	58,88
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**6.520.855.084**	**5.792.906.945**	**-11,16**
1	Tài sản cố định	6.211.324.428	5.539.665.196	-10,81
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	40.000.000	40.000.000	0
3	Tài sản dài hạn khác	269.530.656	213.241.749	-20,88
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**133.163.675.270**	**106.776.212.615**	**-19,82**

Tài sản ngắn hạn năm 2021 giảm 20,26 % so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu do các khoản phải thu ngắn hạn trong năm giảm 20,77 % và hàng tồn kho giảm 45,99 % , trong khi các chỉ tiêu khác đều giảm không tương ứng và chiếm tỉ trọng thấp hơn trong cơ cấu Tài sản ngắn hạn.

Tài sản dài hạn năm 2021 giảm 11,16 % so với năm 2020 do trong năm 2021 tiếp tục trích khấu hao TSCĐ đang sử dụng, chỉ sửa chữa TSCĐ và không đầu tư mua sắm mới TSCĐ.

b. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

BẢNG PHÂN TÍCH NGUỒN VỐN

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)
A	**NỢ PHẢI TRẢ**	**107.763.238.847**	**81.276.058.949**	**-24,58**
1	Nợ ngắn hạn	107.763.238.847	81.276.058.949	-24,58
B	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**25.400.436.423**	**25.500.153.666**	**0,39**
1	Vốn chủ sở hữu	25.400.436.423	25.500.153.666	0,39
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**133.163.675.270**	**106.776.212.615**	**-19,82**

Xu hướng biến động chính của cơ cấu tài chính trong năm 2021 là giảm nguồn vốn, tổng nguồn vốn giảm 19,82 % do các khoản nợ phải trả giảm 24,58 % và vốn chủ sở hữu tăng 0,39 % và tài sản ngắn hạn giảm 20,26%.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2021, HĐQT thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược về nhân sự… theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

HĐQT đã trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 phê chuẩn: Thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021; Các chỉ tiêu Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020; Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo tài chính năm 2021, tờ trình sửa đổi điều lệ, qui chế quản trị về nội bộ công ty, ban hành quy chế hoạt động của Hội dồng quản trị.

HĐQT duy trì họp định kỳ mỗi quý ít nhất mội lần theo quy định tại Điều lệ Công ty để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự tham gia của Ban Tổng giám đốc.

HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các Thành viên Hội đồng Quản trị cũng đã có nhiều cố gắng hoàn thành chức trách của mình hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và Người lao động.

2. Kết quả đánh giá của HĐQT với Ban tổng giám đốc điều hành:

Hội đồng Quản trị luôn theo sát hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc, kịp thời chỉ đạo và giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám Đốc.

Hội đồng Quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám Đốc. Hội đồng Quản trị hết sức tin tưởng vào năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức của các Thành viên trong Ban Tổng giám đốc.

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng định hướng của Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức kinh doanh dịch vụ nhằm mang lại hiệu quả cao nhất, thực hiện tốt Kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên giao cho.

Sau đây là một số đánh giá cụ thể về mọi mặt hoạt động Công ty trong năm 2021:

Trong năm 2021, Ban Tổng giám đốc đã xây dựng các Kế hoạch, triển khai thực hiện các chiến lược và nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đề ra một cách nhanh chóng, đúng hướng và hiệu quả.

Linh hoạt trong quá trình điều hành, đảm bảo kết quả thực hiện đúng mục tiêu đề ra.

Công khai, minh bạch công bố thông tin kịp thời chính xác.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

3.1. Kế hoạch Kinh doanh 2022 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, theo sát diễn biến của nền kinh tế và tập trung nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	So sánh (%)
1	Doanh thu	Tr. đ	192	180	93,75%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	3500	3600	102,86%
3	Cổ tức được chia/ VĐL	%	8	8	100%
4	Thù lao thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách	Tr. đ	204	204	100%

3.2. Định hướng của HĐQT:

Nghiên cứu mô hình bộ máy quản lý điều hành nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác điều hành.

Ban Tổng giám đốc phải xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh cụ thể cho từng gói thầu và phải cân đối được với kế hoạch ngân sách của năm. Phải xây dựng được kế hoạch ngân sách, kế hoạch tài chính cụ thể của năm 2022 và các năm sau.

Xây dựng phương án và có chính sách cụ thể để tăng cường công tác thu hồi vốn và các khoản công nợ một cách có hiệu quả. Có biện pháp sử dụng tốt nhất các nguồn vốn tự có và giảm thiểu sử dụng vốn vay.

Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra của HĐQT, soát xét, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các qui chế nội bộ để các qui chế này thực sự là các công cụ quản lý hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Quốc Lệ	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT chuyên trách
2	Ông Bùi Duy Đông	Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm
3	Ông Nguyễn Văn Tuyến	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm
4	Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT – Phó TGĐ, Kế toán trưởng	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm
5	Ông Phạm Quang Phát	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành

1.1. Ông Nguyễn Quốc Lệ - Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Quốc Lệ
- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 14/01/1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND: 036063003774 - Ngày cấp: 02/11/2017 - Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Quê quán: Xuân Châu, Xuân Trường, Nam Định
- Nơi ở hiện nay: Số 14 Đông Trà 3, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị doanh nghiệp, Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1985 - 9/1989	Nhà máy chế tạo cân Hải Phòng	Kỹ sư, cán bộ kỹ thuật
9/1989 - 4/1992	Xí nghiệp Giày dép số 5 Hải Phòng	Kỹ sư, cán bộ kỹ thuật
4/1992 - 2/1993	Công ty Điện nước lắp máy	Kỹ sư, Cán bộ kỹ thuật
4/1993 -12/1995	Phòng Kinh tế kỹ thuật, Cty Điện chiếu sáng Đô thị	Cán bộ kỹ thuật
1/1996 - 5/1998	Phòng kinh tế kỹ thuật, Cty Điện chiếu sáng Đô thị	Phó trưởng phòng
6/1998 - T5/2001	Đội quản lý điện, Công ty Điện chiếu sáng Đô thị	Đội trưởng
6/2001 - 5/2005	Đội xây lắp điện 2, Công ty Điện chiếu sáng Đô thị	Đội trưởng
6/2005 - 5/2006	Xí nghiệp xây lắp điện 2, Công ty Điện chiếu sáng Đô thị	Giám đốc Xí nghiệp
5/2006 - 10/2010	Công ty Điện chiếu sáng Đô thị	Phó giám đốc Công ty
7/2010 - 10/2015	Công ty TNHH MTV Điện chiếu sáng Hải Phòng	Tổng giám đốc Công ty
11/2015 - 3/2017	Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng	Tổng giám đốc
4/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách.

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người liên quan tại tổ chức đăng ký giao dịch:

+ Sở hữu cá nhân: 110.300 CP chiếm tỷ lệ 5,013 %/ VĐL

+ Đại diện sở hữu: 462.000 CP (Đại diện cổ phần của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng) chiếm tỷ lệ 21 % /VĐL.

+ Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty CP Điện chiếu sáng Hải Phòng tại thời điểm lập hồ sơ: con gái Nguyễn Phương Thảo – Nhân viên văn phòng; cổ phần sở hữu cá nhân: 5.100 CP chiếm tỷ lệ 0,232 %/ VĐL.

1.2. Ông Bùi Duy Đông - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.

- Họ và tên: Bùi Duy Đông

- Giới tính: Nam

- Sinh ngày: 29/05/1971

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- CCCD: 03107102489 - Ngày cấp: 11/8/2021 - Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

- Quê quán: Tân Viên, An Lão, Hải Phòng

- Nơi ở hiện nay : Số 33 KDC Trần Phú 2 – P. Văn Đẩu – Q. Kiến An – TP Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học, Kỹ sư điện

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1997- 2001	Công ty xây lắp điện Hải Phòng	Cán bộ kỹ thuật
2002 - 2006	XN Xây lắp Điện 7, Công ty điện chiếu sáng đô thị	Cán bộ kỹ thuật
2007 - 6/2010	XN Xây lắp Điện 7, Công ty điện chiếu sáng đô thị	Giám đốc Xí nghiệp
7/2010 - 8/2015	XN Xây lắp Điện 7, Công ty TNHH MTV điện chiếu sáng Hải Phòng	Giám đốc Xí nghiệp
9/2015 - 12/2015	XN Xây lắp Điện 7, Công ty TNHH MTV điện chiếu sáng Hải Phòng	Giám đốc Xí nghiệp
1/2016 - 04/2017	Công ty cổ phần điện chiếu sáng Hải Phòng	Phó Tổng giám đốc
05/2017 đến nay	Công ty cổ phần điện chiếu sáng Hải Phòng	Tổng giám đốc

- Chức vụ tại Công ty: Tổng giám đốc công ty

- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người liên quan tại tổ chức đăng ký giao dịch:

+ Sở hữu cá nhân: 129.700CP chiếm tỷ lệ 5,89%/ VĐL

+ Đại diện sở hữu: 264.000 CP (Đại diện cổ phần của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng) chiếm tỷ lệ 12%/VĐL

+ Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty CP Điện chiếu sáng Hải Phòng tại thời điểm lập hồ sơ: Em vợ: Đỗ Xuân Trường – Giám đốc XN xây lắp điện 7; cổ phần sở hữu cá nhân: 5.600 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,025%/VĐL.

1.3. Ông Nguyễn Văn Tuyến – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

- Họ và tên: Nguyễn Văn Tuyến

- Giới tính: Nam

- Sinh ngày: 17/08/1965

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- CMND: 0340650006615 - Ngày cấp: 21/05/2019 - Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

- Quê quán: xã Độc Lập - Huyện Hưng Hà - Tỉnh Thái Bình

- Nơi ở hiện nay: Số 105 Trần Nhân Tông, Quận Kiến An, TP. Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1983 - 09/1986	Trường sỹ quan phòng không – nay là Học viện phòng không không quân	Học viên
09/1986 - 07/1992	Tiểu đoàn thông tin sân bay Kiến An, sư đoàn 371 quân chủng phòng không – không quân	Cán bộ
07/1992 – 11/1995	Công ty xây lắp điện Hải Phòng – Nay là Công ty Cổ phần xây lắp điện Hải Phòng	Cán bộ kế hoạch
11/1995 – 09/2002	Công ty Điện chiếu sáng đô thị	Cán bộ kế hoạch
09/2002 – 01/2006	Công ty Điện chiếu sáng đô thị	Phó TP Kế hoạch
02/2006 – 10/2019	Công ty Điện chiếu sáng đô thị - Nay là Công ty cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng	Trưởng phòng Kế hoạch
11/2019 đến nay	Công ty cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng	Phó tổng giám đốc

- Chức vụ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người liên quan tại tổ chức đăng ký giao dịch:

+ Sở hữu cá nhân: 31.400 CP chiếm tỷ lệ 1,42 %/ VĐL

+ Đại diện sở hữu: 0 Cổ phần.

1.4. Ông Nguyễn Quang Huy - Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

- Họ và tên: Nguyễn Quang Huy

- Giới tính: Nam

- Sinh ngày: 19/11/1980

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- CMND: 031028324 - Ngày cấp: 21/11/2011 - Nơi cấp: Công An Hải Phòng

- Quê quán: Vĩnh Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

- Nơi ở hiện nay: Số 66/212 Đà Nẵng, Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị tài chính kế toán

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2002 – 3/2009	Chi cục thuế Kiến Thụy	Cán bộ tổ thanh tra
4/2009 – 7/2007	Chi cục thuế Hải An	Cán bộ tổ thanh tra
8/2007 – 6/2019	Chi cục thuế Hải An	Cán bộ đội quản lý nợ thuế
7/2009 - 10/2011	Chi cục thuế Hải An	Đội phó đội quản lý nợ thuế
11/2011–10/2015	Công ty TNHH MTV điện chiếu sáng Hải Phòng	Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ
11/2015 đến nay	Công ty cổ phần điện chiếu sáng Hải Phòng	Kế toán trưởng
12/2021 đến nay	Công ty cổ phần điện chiếu sáng Hải Phòng	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ tại Công ty: Phó TGĐ, Kế toán trưởng công ty

- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người liên quan tại tổ chức đăng ký giao dịch:

+ Sở hữu cá nhân: 22.200 CP chiếm tỷ lệ 1,01 %/ VĐL

+ Đại diện sở hữu: 264.000 CP (Đại diện cổ phần của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng) chiếm tỷ lệ 12 % /VĐL.

1.5. Ông Phạm Quang Phát– Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Phạm Quang Phát

- Giới tính: Nam

- Sinh ngày: 17/7/1961

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- CMND: 001061005168 - Ngày cấp: 25/12/2015- Nơi cấp: Hà Nội

- Quê quán: Duy Tiên – Hà Nam

- Nơi ở hiện nay: Số 93A ngõ 97 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 đến 8/2015	Công ty TNHH dây và cáp điện Thăng Long	- Giám đốc
Từ 9/2015- đến nay	- Công ty TNHH dây và cáp điện Thăng Long - Công ty CP Điện chiếu sáng Hải Phòng	- Giám đốc - Thành viên HĐQT

- Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc – Công ty TNHH dây và cáp điện Thăng Long.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người liên quan tại tổ chức đăng ký giao dịch:

+ Sở hữu cá nhân: 0 CP chiếm tỷ lệ 0 %/ VĐL

+ Đại diện sở hữu: 220.000 CP (Đại diện cổ phần của Công ty TNHH dây và cáp điện Thăng Long) chiếm tỷ lệ 10 % /VĐL

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị luôn đảm bảo các kỳ họp thường kỳ và bất thường luôn có mặt đầy đủ các thành viên (hoặc ủy quyền), do Chủ tịch HĐQT trủ trì, các cuộc họp đều có mời Trưởng ban kiểm soát. Nội dung của các kỳ họp đều có sự trao đổi bàn bạc, báo cáo kết quả hoạt động điều hành các thành viên đóng góp ý kiến, giải pháp để Ban giám đốc thực hiện. Nghị quyết HĐQT được thông báo đến tất cả cán bộ chủ chốt và phân tích rõ nguyên nhân có hướng xử lý các tồn tại.

- Thông qua các chủ trương để Ban tổng giám đốc đưa ra biện phá cụ thể để ổn định và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh. Có những giải pháp tháo gỡ những khó khắn, thúc đẩy SXKD, quản lý để bộ máy điều hành hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch. Đặc biệt là giám sát quản trị rủi ro.

- Các thành viên HĐQT đều có ý thức trách nhiệm cao, phát huy khả năng cộng sự, hỗ trợ tích cực để Ban tổng giám đốc làm tốt công tác điều hành kinh doanh.

- HĐQT đã phê chuẩn những đề xuất của Ban tổng giám đốc về các chính sách trong điều hành SXKD.

- Bên cạnh các hoạt động nghiệp vụ không để xảy ra rủi ro, thất thoát vốn.

2. Danh sách Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Đào Thị Tuyết Nga	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Phạm Ngọc Sơn	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban kiểm soát

2.1. Bà Đào Thị Tuyết Nga - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Đào Thị Tuyết Nga
- Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 15/01/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND: 031062221 - Ngày cấp: 08/03/2006 - Nơi cấp: Công an Hải Phòng
- Quê quán: Đông Hưng, Thái Bình
- Nơi ở hiện nay: Số 57 đường An Dương 2, An Đồng, An Dương, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị quản trị tài chính kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/2011 – 8/2015	Công ty TNHH MTV điện chiếu sáng Hải Phòng	Kế toán viên
9/2015 đến nay	Công ty cổ phần điện chiếu sáng Hải Phòng	Trưởng ban kiểm soát

- Chức vụ tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Ban kiểm soát chuyên trách
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người liên quan tại tổ chức đăng ký giao dịch:

+ Sở hữu cá nhân: 1.300 CP chiếm tỷ lệ 0,06 %/ VĐL

+ Đại diện sở hữu: 66.000 CP (Đại diện cổ phần của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng) chiếm tỷ lệ 3% /VĐL

2.2. Ông Phạm Ngọc Sơn - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Phạm Ngọc Sơn
- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 09/01/1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND: 031001064 - Ngày cấp: 23/03/2009 - Nơi cấp: Công an Hải Phòng
- Quê quán: Xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng
- Nơi ở hiện nay: Số 87/63 Phố Cấm, phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý kinh tế, cử nhân KT chuyên ngành Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 05/1999 đến tháng 09/2016	Sở Tài chính	- CV phòng Quản lý công sản
Từ tháng 10/2016 đến tháng 04/2018	- Sở Tài chính	- CV phòng Tài chính doanh nghiệp
Tháng 05/2018 đến nay	- Sở Tài chính - Công ty CP Điện chiếu sáng HP	- CV phòng Tài chính doanh nghiệp - Thành viên BKS

- Chức vụ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Chuyên viên phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Ban kiểm soát

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người liên quan tại tổ chức đăng ký giao dịch:

+ Sở hữu cá nhân: 0 CP chiếm tỷ lệ 0 %/ VĐL

+ Đại diện sở hữu: 66.000 CP (Đại diện cổ phần của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng) chiếm tỷ lệ 3 % /VĐL

2.3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Anh

- Giới tính: Nữ

- Sinh ngày: 21/01/1979

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- CMND: 031179006126 - Ngày cấp: 21/01/2019 - Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH.

- Quê quán: Thanh Bính, Thanh Hà, Hải Dương

- Nơi ở hiện nay: Số 14 ngõ 56 Cát cụt, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD – TCTD; Cử nhân Ngoại ngữ tiến Anh

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 10/2002 – đến nay	Xí nghiệp quản lý điện 2 Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng	Nhân viên văn phòng
06/2020 đến nay	Công ty cổ phần điện chiếu sáng Hải Phòng	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Ban kiểm soát

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người liên quan tại tổ chức đăng ký giao dịch:

+ Sở hữu cá nhân: 5.900 CP chiếm tỷ lệ 0,268 %/ VĐL

+ Đại diện sở hữu: 0 CP chiếm tỷ lệ 0 % /VĐL

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hàng của Công ty.

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt và hoạt động Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng HP, Ban Kiểm soát Công ty đã tổ chức các cuộc họp Ban kiểm soát, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị hàng quý, các cuộc họp giao ban, điều hành sản xuất của Công ty. Mục đích đảm bảo các hoạt động của công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.

+ Giám sát việc thực hiện pháp luật Nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông , thực hiện Điều lệ của Công ty;

+ Tổ chức họp định kỳ và họp khi có công việc đột xuất để triể khai công việc theo nhiệm vụ, chức năng được giao luôn bám sát nghị quyết đại hội cổ đông.

+ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

+ Giám sát và Phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Kiểm tra báo cáo tài chính quý, năm, phân tích đánh giá, dự báo tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

+ Trình Đại hội cổ đông ban hành qui chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2021 công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện theo đúng chương trình kế hoạch đã xây dựng và ngày càng được tăng cường, đặc biệt là sự quan tâm và tạo điều kiện của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc Công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện được đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình cụ thể qua kết quả dưới đây:

+ Hàng tháng, quý được tham sự họp HĐQT và tham gia ý kiến vào các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và những quy định, quy chế quản lý điều hành của Công ty.

+ Tiếp nhận đầy đủ, kịp thời các thông tin như: Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động SXKD hàng quý, năm; Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, các nghị quyết, quy định, quy chế quản lý… các quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng cán bộ phát hành từ Hội đồng quản trị và lãnh đạo Công ty.

Công tác kiểm tra, giám sát tại Công ty

- Thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc

- Báo cáo tài chính đã được kiểm tra, kiểm toán, phương pháp lập báo cáo đúng chế độ tài chính - kế toán hiện hành, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

- Công ty đã thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

- Phối hợp với các phòng ban của Công ty kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tính toán và tập hợp đầy đủ các chi phí để báo cáo HĐQT và Ban Giám đốc.

3. Các giao dịch Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

3.2. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

VI. Báo cáo tài chính (kèm theo BCTC đã được kiểm toán):

- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính theo qui định của pháp luật.

- Toàn bộ Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán đã được công bố theo qui định, đăng tải chi tiết tại địa chỉ website: helico.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

M.S.D.N: 0200171644-CTCP * CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CHIẾU SÁNG HẢI PHÒNG * Q.HỒNG BÀNG T.P HẢI PHÒNG

CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN QUỐC LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CHIẾU SÁNG HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Tháng 3 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quốc Lệ	Chủ tịch
Ông Bùi Duy Đông	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuyến	Thành viên
Ông Phạm Quang Phát	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Duy Đông	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Huấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/12/2021)
Ông Nguyễn Văn Tuyến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/12/2021)
Bà Nguyễn Thị Hoá	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/12/2021)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Bùi Duy Đông
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Nguyễn Quốc Lệ - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,

M.S.D.N: 0200171644 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CHIẾU SÁNG HẢI PHÒNG - Q.HỒNG BÀNG, T.P HẢI PHÒNG

Nguyễn Quốc Lệ
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hải Phòng, ngày 22 tháng 3 năm 2022

anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-24) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-24) 6278 2905

Số: 82/2022/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22/3/2022, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN AN VIỆT

Vũ Thị Hương Giang
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0388-2018-055-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội ngày 22 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Thu Hà
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2986-2019-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**100.983.305.670**	**126.642.820.186**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**16.984.065.323**	**7.371.705.613**
1. Tiền	111	5	16.984.065.323	7.371.705.613
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**61.443.188.048**	**77.553.587.286**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	37.452.594.070	52.223.322.175
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		61.310.000	321.258.920
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	23.929.283.978	25.009.006.191
III. Hàng tồn kho	**140**		**22.519.103.682**	**41.694.271.650**
1. Hàng tồn kho	141	8	22.519.103.682	41.694.271.650
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**36.948.617**	**23.255.637**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9.1	36.948.617	23.255.637
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**5.792.906.945**	**6.520.855.084**
I. Tài sản cố định	**220**		**5.539.665.196**	**6.211.324.428**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.539.665.196	6.211.324.428
- Nguyên giá	*222*		*17.383.159.803*	*17.383.159.803*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(11.843.494.607)*	*(11.171.835.375)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	*228*		*79.000.000*	*79.000.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(79.000.000)*	*(79.000.000)*
II. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**40.000.000**	**40.000.000**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	40.000.000	40.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**213.241.749**	**269.530.656**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.2	213.241.749	269.530.656
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**106.776.212.615**	**133.163.675.270**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B01 – DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**81.276.058.949**	**107.763.238.847**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**81.276.058.949**	**107.763.238.847**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	**13**	926.851.627	1.230.962.362
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.161.862.958	10.493.011.170
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	**14**	6.092.478.339	5.119.567.520
4. Phải trả người lao động	314		2.063.364.840	2.562.122.541
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	**15**	901.688.577	1.398.393.783
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	**16**	17.377.300.381	26.043.000.336
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	**17**	40.286.323.118	60.463.534.349
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		466.189.109	452.646.786
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**25.500.153.666**	**25.400.436.423**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**18**	**25.500.153.666**	**25.400.436.423**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	**18**	22.000.000.000	22.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*22.000.000.000*	*22.000.000.000*
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	**18a**	3.500.153.666	3.400.436.423
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*3.500.153.666*	*3.400.436.423*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**106.776.212.615**	**133.163.675.270**

Hải Phòng, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Thanh Mai	Nguyễn Quang Huy	Bùi Duy Đông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**20**	**177.086.780.092**	**189.123.452.119**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	**20**	276.811.817	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**20**	**176.809.968.275**	**189.123.452.119**
4. Giá vốn hàng bán	11	**21**	161.249.414.300	173.696.300.917
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**15.560.553.975**	**15.427.151.202**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	**22**	8.955.086	9.336.008
7. Chi phí tài chính	22	**23**	3.873.375.040	3.679.106.859
- Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*3.873.375.040*	*3.679.106.859*
8. Chi phí bán hàng	25	**24.1**	249.871.125	342.882.751
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	**24.2**	8.014.480.958	8.164.763.939
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**3.431.781.938**	**3.249.733.661**
11. Thu nhập khác	31	**25**	647.627.089	1.259.331.967
12. Chi phí khác	32	**26**	8.138.181	477.360.017
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**639.488.908**	**781.971.950**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**4.071.270.846**	**4.031.705.611**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	**28**	571.117.180	631.269.188
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**3.500.153.666**	**3.400.436.423**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**29**	**1.591**	**750**

Hải Phòng, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Thanh Mai	Nguyễn Quang Huy	Bùi Duy Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2021

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***4.071.270.846***	***4.031.705.611***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	**10, 12**	671.659.232	866.981.020
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	**22**	(8.955.086)	(9.336.008)
- Chi phí lãi vay	06	**23**	3.873.375.040	3.679.106.859
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***8.607.350.032***	***8.568.457.482***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.110.399.238	(16.346.397.382)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.175.167.968	2.345.350.620
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.814.831.412)	(15.114.029.842)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		42.595.927	(53.756.825)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.321.902.610)	(4.372.907.716)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	**14**	(631.269.188)	(725.109.222)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.736.894.100)	(1.180.291.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***31.430.615.855***	***(26.878.683.885)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	**22**	8.955.086	9.336.008
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		**8.955.086**	***9.336.008***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	**17**	38.718.977.408	62.916.329.193
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	**17**	(58.896.188.639)	(44.523.747.054)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	**18a**	(1.650.000.000)	(1.540.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(21.827.211.231)***	***16.852.582.139***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**9.612.359.710**	**(10.016.765.738)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5**	**7.371.705.613**	**17.388.471.351**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	**70**	**5**	**16.984.065.323**	**7.371.705.613**

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2021.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Thanh Mai	Nguyễn Quang Huy	Bùi Duy Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng, trụ sở đặt tại số 1 Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Điện chiếu sáng Hải Phòng theo Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 07/5/2015 và Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200171644 ngày 12/11/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ là 22.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: xây lắp, thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình xây dựng. Thiết kế điện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình điện chiếu sáng, tín hiệu giao thông, đường dây và trạm biến thế đến 110KV, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, mạng điện thoại trong nhà, thiết bị bảo vệ, báo động, phòng cháy chữa cháy, thang máy;
- Buôn bán đồ điện gia dụng, đèn, bộ đèn điện;
- Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Buôn bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện), máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:

	Đơn vị	Địa chỉ	HĐKD chính
A	**Các đơn vị trực thuộc hạch toán báo sổ (hạch toán tập trung tại Công ty)**		
1	Nhà máy sản xuất thiết bị chiếu sáng và kết cấu thép	Số 01 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng	Sản xuất thiết bị chiếu sáng và kết cấu thép
2	Trung tâm thương mại	Số 01 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng	Dịch vụ thương mại
3	Xí nghiệp quản lý điện chiếu sáng	Số 01 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng	Quản lý điện chiếu sáng
4	Xí nghiệp xây lắp điện II	Số 01 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng	Xây lắp điện
5	Xí nghiệp xây lắp điện VI	Số 01 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng	Xây lắp điện
6	Xí nghiệp xây lắp điện VII	Số 01 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng	Xây lắp điện
7	Xí nghiệp xây lắp điện VIII	Số 01 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng	Xây lắp điện
8	Xí nghiệp xây lắp điện IX	Số 01 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng	Xây lắp điện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: các thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty không phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (tài sản Công ty quản lý hộ Sở Giao thông vận tải) trên chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán do Ban Giám đốc đánh giá việc này không ảnh hưởng trọng yếu đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Công ty không ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm vì Công ty xác định chênh lệch tỷ giá (nếu có) là không đáng kể.

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu của các xí nghiệp về tiền bảo hiểm, phí giao dịch...; các khoản tạm ứng; ký cược, ký quỹ và các khoản khác. Số dư các khoản phải thu hoặc phải trả khác về tiền tạm ứng cho các Xí nghiệp, cá nhân là phần công việc còn đang thực hiện hoặc phần công việc đã thực hiện xong nhưng chưa được khách hàng thanh toán nên Công ty chưa thực hiện chi trả cho các Xí nghiệp, cá nhân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng trách nhiệm thu hồi công nợ thuộc về Giám đốc các xí nghiệp, trường hợp không thu được tiền của khách hàng thì Giám đốc xí nghiệp phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá có khả năng thu hồi được các khoản công nợ này và không có tổn thất nên Công ty không xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo từng công trình đang thực hiện và chưa được quyết toán, bao gồm chi phí nguyên vật liệu và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các công trình.

Tập hợp chi phí và tính giá thành theo phương pháp giản đơn.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ những tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá sau đánh giá lại chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính xác định lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp hoặc nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	đã khấu hao hết
Thiết bị, dụng cụ quản lý	đã khấu hao hết

4.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý tài sản hạ tầng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian 36 tháng kể từ khi đưa tài sản vào sử dụng.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục

đích sản xuất, cho thuê và quản lý. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: phí bảo hiểm xe ô tô, công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí san lấp mặt bằng và chi phí sửa chữa văn phòng.

- Phí bảo hiểm xe ô tô được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm của hợp đồng;

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 tháng đến 24 tháng;

- Chi phí san lấp mặt bằng nhà máy Nam Sơn được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 12 tháng;

- Chi phí sửa chữa văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn do Công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: các khoản phải trả về kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; phải trả tiền điện công cộng đã thu hộ, khoản phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính về thuế và các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Cuối năm, các khoản vay của Công ty đều đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo nên được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, cụ thể:

- Đối với các khoản Công ty vay để sử dụng cho hoạt động của Công ty thì chi phí lãi vay được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ phải trả đối với bên cho vay;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

- Đối với các khoản Công ty vay cho các xí nghiệp và các đội phải chịu lãi thì chi phí lãi vay được ghi nhận khi thực trả cho bên cho vay căn cứ chứng từ vay của các công trình do xí nghiệp chuyển về mà không được ghi nhận toàn bộ theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc cơ sở dồn tích.

4.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng khế ước vay.

4.14 Dự phòng phải trả

Cuối năm, Công ty không trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính do Ban Giám đốc đánh giá không phát sinh chi phí bảo hành căn cứ trên thực tế tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-ĐCS-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021.

4.16 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin

cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính: là lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác: phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là khoản giảm giá hàng bán: phản ánh khoản giảm khối lượng cung cấp lắp đặt thiết bị theo quyết toán công trình sau khi đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

4.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm: trị giá vốn của hàng hóa bán trong năm và giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp hoàn thành trong năm.

Giá thành của sản phẩm xây lắp được xác định theo tỷ lệ giao khoán cho các xí nghiệp. Đối với các công trình Công ty tự làm thì giá vốn được ghi nhận theo chứng từ thực tế, tuy nhiên, Ban Giám đốc xác định đối với các công trình Công ty tự làm thì thời gian hoàn thành và được quyết toán thường là ngắn hạn nên đến cuối năm tài chính giá vốn được xác định đầy đủ, chỉ còn một số ít các công trình nhỏ giá vốn được kết chuyển theo chứng từ thực tế tại thời điểm phát sinh doanh thu nhưng không ảnh hưởng đáng kể đến giá vốn của toàn Công ty.

4.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là lãi tiền vay. Đối với khoản Công ty vay để phục vụ cho hoạt động của Công ty thì lãi tiền vay được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ phải trả đối với bên cho vay. Đối với khoản Công ty vay cho các xí nghiệp thì lãi tiền vay được ghi nhận khi thực trả cho bên cho vay căn cứ chứng từ vay của các công trình do xí nghiệp chuyển về.

4.20 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng, cung cấp dịch vụ của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bán hàng, chi phí khai thác khách hàng và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, cước điện thoại...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

4.21 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.22 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.23 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 32.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

5. TIỀN

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	576.316.775	45.200.037
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.407.748.548	7.326.505.576
Cộng	**16.984.065.323**	**7.371.705.613**

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	**37.452.594.070**	**52.223.322.175**
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	9.319.189.076	20.931.988.131
Sở Xây dựng Hải Phòng	*9.319.189.076*	*20.931.988.131*
Các khoản phải thu của khách hàng khác	28.133.404.994	31.291.334.044

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**23.929.283.978**	-	**25.009.006.191**	-
Tạm ứng	21.121.439.621	-	19.347.954.543	-
Ký cược, ký quỹ	250.313.428	-	593.633.931	-
Phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Đồng Hưng	240.000.000	-	240.000.000	-
Phải thu các Xí nghiệp	1.811.496.941	-	2.876.474.807	-
Phải thu về khoản tiền phạt thuế	-	-	1.535.959.201	-
Phải thu khác	506.033.988	-	414.983.709	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.405.489.446	-	4.855.327.781	-
Công cụ, dụng cụ	11.323.442	-	11.323.442	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.985.773.663	-	36.711.103.296	-
Thành phẩm	23.753.745	-	23.753.745	-
Hàng hóa	92.763.386	-	92.763.386	-
Cộng	**22.519.103.682**	-	**41.694.271.650**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
9.1 Ngắn hạn	**36.948.617**	**23.255.637**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	229.166	-
Phí bảo hiểm xe ô tô	12.136.117	23.255.637
Chi phí san lấp mặt bằng	24.583.334	-
9.2 Dài hạn	**213.241.749**	**269.530.656**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	128.207.702	104.475.289
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	85.034.047	165.055.367

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2021	**12.264.397.508**	**549.649.122**	**4.489.304.991**	**79.808.182**	**17.383.159.803**
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	**12.264.397.508**	**549.649.122**	**4.489.304.991**	**79.808.182**	**17.383.159.803**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2021	**6.107.399.696**	**495.322.506**	**4.489.304.991**	**79.808.182**	**11.171.835.375**
Tăng trong năm	**639.725.616**	**31.933.616**	-	-	**671.659.232**
Khấu hao trong năm	639.725.616	31.933.616	-	-	671.659.232
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	**6.747.125.312**	**527.256.122**	**4.489.304.991**	**79.808.182**	**11.843.494.607**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	**6.156.997.812**	**54.326.616**	-	-	**6.211.324.428**
Tại ngày 31/12/2021	**5.517.272.196**	**22.393.000**	-	-	**5.539.665.196**

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 5.851.437.829 VND (tại ngày 31/12/2020 là 5.467.985.221 VND).

Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2021 của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay lần lượt là 6.939.280.520 VND và 3.858.614.758 VND, tại ngày 31/12/2020 lần lượt là 6.939.280.520 VND và 3.916.228.703 VND.

11. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Số dư đầu năm	**40.000.000**	**2.422.900.026**
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	**2.382.900.026**
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	2.382.900.026
Số dư cuối năm (*)	**40.000.000**	**40.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

(*) Chi tiết:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án điện chiếu sáng mỹ thuật cầu Rào - Hồ Sen và cầu Bính giai đoạn chuẩn bị đầu tư	40.000.000	40.000.000
Cộng	**40.000.000**	**40.000.000**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm quản lý tài sản hạ tầng	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2021	**79.000.000**	**79.000.000**
Số dư tại 31/12/2021	**79.000.000**	**79.000.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2021	**79.000.000**	**79.000.000**
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2021	**79.000.000**	**79.000.000**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2021	-	-
Số dư tại 31/12/2021	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 79.000.000 VND.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	**926.851.627**	**926.851.627**	**1.230.962.362**	**1.230.962.362**
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	686.051.000	686.051.000	246.238.000	246.238.000
Công ty TNHH Chinh Thái	*246.238.000*	*246.238.000*	*246.238.000*	*246.238.000*
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Nam Cường	*171.413.000*	*171.413.000*	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Hoàng Lê	*158.400.000*	*158.400.000*	-	-
Công ty Cổ phần Slighting Miền Bắc	*110.000.000*	*110.000.000*	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	240.800.627	240.800.627	984.724.362	984.724.362

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.121.342.550	4.644.621.849	3.666.139.688	4.099.824.711
Thuế thu nhập doanh nghiệp	631.269.188	571.117.180	631.269.188	571.117.180
Thuế thu nhập cá nhân	50.498.782	222.962.419	244.190.153	29.271.048
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.316.457.000	761.264.617	685.456.217	1.392.265.400
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**5.119.567.520**	**6.202.966.065**	**5.230.055.246**	**6.092.478.339**

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	**901.688.577**	**1.398.393.783**
Lãi vay	901.688.577	1.350.216.147
Trích trước giá vốn công trình	-	34.852.852
Các khoản khác	-	13.324.784

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	**17.377.300.381**	**26.043.000.336**
Kinh phí công đoàn	281.299.797	326.762.157
Bảo hiểm xã hội	65.889	264.120.075
Bảo hiểm y tế	30.411	46.609.425
Bảo hiểm thất nghiệp	-	20.119.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.095.904.284	25.385.389.379
- Khoản phạt kê khai sai, chậm nộp thuế	*2.664.013.648*	*2.664.013.648*
- Tiền điện công cộng (*)	*3.049.447.985*	*4.711.842.600*
- Các khoản khác	*19.494.161*	*83.374.361*
- Dư có TK 141	*11.195.346.984*	*17.661.231.105*
- Dư có TK 138	*167.601.506*	*264.927.665*

(*): Khoản thu hộ chi hộ tiền điện công cộng cho Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng.

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	**40.286.323.118**	**60.463.534.349**
Các khoản vay	40.286.323.118	60.463.534.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Các khoản vay	01/01/2021 VND		Trong năm VND		31/12/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**60.463.534.349**	**60.463.534.349**	**38.718.977.408**	**58.896.188.639**	**40.286.323.118**	**40.286.323.118**
Các cá nhân (1)	42.282.872.610	42.282.872.610	17.705.500.000	33.875.500.000	26.112.872.610	26.112.872.610
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng (2)	142.887.500	142.887.500	2.550.858.085	1.421.397.856	1.272.347.729	1.272.347.729
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngô Quyền (2)	16.300.035.199	16.300.035.199	14.455.818.279	18.670.198.699	12.085.654.779	12.085.654.779
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng (2)	1.737.739.040	1.737.739.040	4.006.801.044	4.929.092.084	815.448.000	815.448.000

(1): Các khoản vay cá nhân chịu lãi suất theo thoả thuận giữa Công ty và các cá nhân cho vay với mức lãi suất biến động từ 0,25% đến 1,125%/tháng. Đảm bảo tiền vay dưới hình thức tín chấp với mục đích sử dụng để thi công các công trình điện chiếu sáng.

(2): Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được rút bằng VND, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo lãi của các Ngân hàng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công các công trình điện chiếu sáng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**22.000.000.000**	**2.890.531.573**	**24.890.531.573**
Tăng trong năm trước	-	**3.400.436.423**	**3.400.436.423**
Lãi trong năm	-	3.400.436.423	3.400.436.423
Giảm trong năm trước	-	**2.890.531.573**	**2.890.531.573**
Phân phối lợi nhuận	-	2.890.531.573	2.890.531.573
Số dư đầu năm nay	**22.000.000.000**	**3.400.436.423**	**25.400.436.423**
Tăng trong năm nay	-	**3.500.153.666**	**3.500.153.666**
Lãi trong năm	-	3.500.153.666	3.500.153.666
Giảm trong năm nay	-	**3.400.436.423**	**3.400.436.423**
Phân phối lợi nhuận	-	3.400.436.423	3.400.436.423
Số dư cuối năm nay	**22.000.000.000**	**3.500.153.666**	**25.500.153.666**

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Vốn góp của Nhà nước	11.200.000.685	11.200.000.685	11.200.000.685	11.200.000.685
Vốn góp của các cổ đông khác	10.799.999.315	10.799.999.315	10.799.999.315	10.799.999.315
Cộng	**22.000.000.000**	**22.000.000.000**	**22.000.000.000**	**22.000.000.000**

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**Năm 2021 VND**	**Năm 2020 VND**
Số đầu năm	**3.400.436.423**	**2.890.531.573**
Tăng trong năm	**3.500.153.666**	**3.400.436.423**
Lãi trong năm	3.500.153.666	3.400.436.423
Giảm trong năm	**3.400.436.423**	**2.890.531.573**
Chia cổ tức	1.650.000.000	1.540.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.750.436.423	1.266.931.573
Trả thù lao của ban kiểm soát	-	83.600.000
Số cuối năm	**3.500.153.666**	**3.400.436.423**

b. Cổ phiếu	**31/12/2021 Cổ phiếu**	**01/01/2021 Cổ phiếu**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.200.000	2.200.000
Cổ phiếu phổ thông	*2.200.000*	*2.200.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.200.000	2.200.000
Cổ phiếu phổ thông	*2.200.000*	*2.200.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2021	01/01/2021
Đồng tiền chung châu Âu (EUR)	14,89	25,89
Đô la Mỹ (USD)	63,81	77,01

20. DOANH THU

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**177.086.780.092**	**189.123.452.119**
Doanh thu bán hàng hóa	533.019.155	446.609.700
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.889.171.156	969.561.661
Doanh thu hợp đồng xây dựng	174.664.589.781	187.707.280.758
Các khoản giảm trừ doanh thu	**276.811.817**	-
Giảm giá hàng bán	276.811.817	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**176.809.968.275**	**189.123.452.119**

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	347.582.614	213.774.706
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	160.901.831.686	173.482.526.211
Cộng	**161.249.414.300**	**173.696.300.917**

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	8.955.086	9.336.008
Cộng	**8.955.086**	**9.336.008**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	3.873.375.040	3.679.106.859
Cộng	**3.873.375.040**	**3.679.106.859**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
24.1 Chi phí bán hàng	**249.871.125**	**342.882.751**
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	183.871.125	276.482.751
Chi phí nhân viên	135.447.762	*150.217.565*
Chi phí khai thác khách hàng	48.423.363	*126.265.186*
Các khoản chi phí bán hàng khác	66.000.000	66.400.000
24.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	**8.014.480.958**	**8.164.763.939**
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	1.203.730.838	1.553.701.003
Chi phí nhân viên	*1.203.730.838*	*1.553.701.003*
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.810.750.120	6.611.062.936

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Xử lý công nợ	642.189.362	107.481.747
Bồi thường tổn thất công trình thi công xây lắp trạm biến áp, cáp hạ thế và dây tải điện hồ Tam Bạc	-	1.100.340.941
Giá trị thu hồi từ thanh lý công cụ dụng cụ	2.272.727	-
Các khoản khác	3.165.000	51.509.279
Cộng	**647.627.089**	**1.259.331.967**

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản phạt chậm nộp thuế	-	466.635.013
Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	8.137.585	10.725.004
Chi phí khác	596	-
Cộng	**8.138.181**	**477.360.017**

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	73.590.262.276	93.884.955.482
Chi phí nhân công	34.391.744.376	42.490.702.482
Chi phí khấu hao tài sản cố định	671.659.232	866.981.020
Chi phí khác	42.787.188.252	42.591.964.099
Cộng	**151.440.854.136**	**179.834.603.083**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	**4.071.270.846**	**4.031.705.611**
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	**8.137.585**	**477.360.017**
Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội và phạt thuế	8.137.585	477.360.017
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	**4.079.408.431**	**4.509.065.628**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (5)	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (6)=(4)*(5)	815.881.686	901.813.126
Thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 (7)=(6)*30%	-	270.543.938
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 (8)=(6)*30%	244.764.506	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (9)=(6)-(7)-(8)	**571.117.180**	**631.269.188**

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	**3.500.153.666**	**3.400.436.423**
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	*1.750.436.423*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	**3.500.153.666**	**1.650.000.000**
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	2.200.000	2.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	**1.591**	**750**

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2020 là trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-ĐCS-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2021 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.21.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2021 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2021 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	16.984.065.323	7.371.705.613
Phải thu của khách hàng	37.452.594.070	52.223.322.175
Phải thu khác	2.301.810.369	3.710.108.738
Cộng	**56.738.469.762**	**63.305.136.526**
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	926.851.627	1.230.962.362
Chi phí phải trả	901.688.577	1.398.393.783
Phải trả khác	3.222.751.985	5.051.650.465
Vay và nợ thuê tài chính	40.286.323.118	60.463.534.349
Cộng	**45.337.615.307**	**68.144.540.959**

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

- **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty không phải chịu rủi ro tiền tệ vì các giao dịch chủ yếu phát sinh bằng VND.

- *Rủi ro lãi suất*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Các khoản vay cá nhân chịu lãi suất theo thoả thuận giữa Công ty và các cá nhân cho vay với mức lãi suất từ 0,25% đến 1,125%/tháng. Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn theo từng giấy nhận nợ với lãi suất nhận nợ là 8%/năm. Do đó, Ban Giám đốc đánh giá Công ty không chịu rủi ro lãi suất.

- **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- *Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá*

Công ty xác định không có tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá do trách nhiệm thu hồi công nợ thuộc về Giám đốc các xí nghiệp, trường hợp không thu được tiền của khách hàng thì Giám đốc xí nghiệp phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá có khả năng thu hồi được các khoản công nợ này và không có tổn thất.

- **Rủi ro thanh khoản**

Công ty không gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 01 năm VND	Trên 01 năm VND
Tại 31/12/2021		
Phải trả người bán	926.851.627	-
Chi phí phải trả	901.688.577	-
Phải trả khác	3.222.751.985	-
Vay và nợ thuê tài chính	40.286.323.118	-
Cộng	**45.337.615.307**	**-**
Tại 01/01/2021		
Phải trả người bán	1.230.962.362	-
Chi phí phải trả	1.398.393.783	-
Phải trả khác	5.051.650.465	-
Vay và nợ thuê tài chính	60.463.534.349	-
Cộng	**68.144.540.959**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

- **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

32. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát nhận được trong năm		
Thu nhập của Hội đồng quản trị	544.219.760	547.321.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	727.653.038	721.193.000
Tổng Giám đốc	*284.430.557*	*274.542.000*
Các Phó Tổng Giám đốc	*443.222.481*	*446.651.000*
Thu nhập của Ban kiểm soát	199.670.742	205.980.000
Thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã trích trong năm		
Tổng mức thù lao Hội đồng quản trị	530.744.000	499.299.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	702.260.750	720.109.000
Tổng mức thù lao Ban kiểm soát	196.963.000	184.450.000

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh hàng hóa, bộ phận xây lắp và bộ phận cung cấp dịch vụ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 03 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 03 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh hàng hóa: phân phối vật liệu, thiết bị điện;
- Bộ phận xây lắp: cung cấp các dịch vụ xây lắp điện;
- Bộ phận cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng, cho thuê cột điện để quảng cáo, trang trí và các dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

	Hàng hóa	Xây lắp	Dịch vụ	Cộng
Tài sản				
Tài sản bộ phận	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ				106.776.212.615
Cộng				**106.776.212.615**
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ				81.276.058.949
Cộng				**81.276.058.949**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Hàng hóa	Xây lắp	Dịch vụ	Cộng
Doanh thu thuần	533.019.155	174.387.777.964	1.889.171.156	176.809.968.275
Giá vốn hàng bán	347.582.614	160.901.831.686	-	161.249.414.300
Chi phí không phân bổ				8.264.352.083
Doanh thu hoạt động tài chính				8.955.086
Chi phí tài chính				3.873.375.040
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				3.431.781.938
Lãi (lỗ) khác				639.488.908
Lợi nhuận trước thuế				4.071.270.846
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				571.117.180
Lợi nhuận sau thuế				**3.500.153.666**

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2021

Đơn vị tính: VND

	Hàng hóa	Xây lắp	Dịch vụ	Cộng
Tài sản				
Tài sản bộ phận	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ				133.163.675.270
Cộng				**133.163.675.270**
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ				107.763.238.847
Cộng				**107.763.238.847**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Hàng hóa	Xây lắp	Dịch vụ	Cộng
Doanh thu thuần	446.609.700	187.707.280.758	969.561.661	189.123.452.119
Giá vốn hàng bán	213.774.706	173.482.526.211	-	173.696.300.917
Chi phí không phân bổ				8.507.646.690
Doanh thu hoạt động tài chính				9.336.008
Chi phí tài chính				3.679.106.859
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				3.249.733.661
Lãi (lỗ) khác				781.971.950
Lợi nhuận trước thuế				4.031.705.611
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				631.269.188
Lợi nhuận sau thuế				**3.400.436.423**

Tài sản, nợ phải trả, chi phí và lợi nhuận không tập hợp được cho từng bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Thành phố Hải Phòng, Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Thanh Mai	Nguyễn Quang Huy	Bùi Duy Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CHIẾU SÁNG HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Tháng 3 năm 2022